

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HN-ST

Ngày: 21/5/2020.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn,
nuôi con”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thu Hà

2. Ông Võ Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **390/2019/TLST-HNGĐ** ngày **20 tháng 12 năm 2019** về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **34/2020/QĐXXST-HN** ngày **17 tháng 4 năm 2020**, Quyết định hoãn phiên tòa số **08/2020/QĐST-HNGĐ** ngày **05 tháng 5 năm 2020**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Diễm M.

Địa chỉ: ấp TM, xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt.**

2. Bị đơn: Anh Trần Văn U.

Địa chỉ: ấp TM, xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn chị Lê Thị Diễm M trình bày: Chị và anh Trần Văn U chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh U thường hay rượu chè, cờ bạc, nhiều lần đánh đập chị và không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh U được ly hôn.

Về con chung: Thời gian chung sống chị và anh U có 02 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/5/2012 và Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 01/11/2015. Hiện tại hai cháu đang sống chung với anh chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Thu T, cháu Trần Thị Cẩm T1 chị đồng ý để anh U được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **anh Trần Văn U** quá trình thu thập chứng cứ đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Lê Thị Diễm M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn U tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phát biểu:

- Về tố tụng: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Chấp nhận cho chị Lê Thị Diễm M được ly hôn với anh Trần Văn U; Giao con chung tên Trần Thị Thu T. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 30/5/2012 cho chị Lê Thị Diễm M được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Trần Thị Cẩm T1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 01/11/2015 cho anh Trần Văn U được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết; Án phí buộc đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn U hiện tại có nơi cư trú tại ấp TM, xã TPT, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn U là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh U chung sống với nhau từ năm 2011, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị M yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh U chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh U thường hay rượu chè, cờ bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh U không đến tham dự. Chị M kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc, chị M và anh U chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay nhưng anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh U.

[2]. Về con chung: Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Thu T của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy chị và anh U sống với nhau có 02 con chung tên Trần Thị Thu T, sinh ngày 30/5/2012 và Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 01/11/2015, anh U biết chị M yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng vẫn không ý kiến về việc nuôi con. Hơn nữa cháu T sinh năm 2012 hiện đã trên 07 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020 của cháu T thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy để không làm xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm lý của cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T của chị M. Đối với cháu Trần Thị Cẩm T1, sinh năm 2015 chị M tự nguyện giao con cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Lê Thị Diễm M chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các **Điều 56, 81, 82, 83** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Diễm M được ly hôn với anh Trần Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thu T. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 30/5/2012 cho chị Lê Thị Diễm M được trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Trần Thị Cẩm T1. Giới tính: Nữ. Sinh ngày 01/11/2015 cho anh Trần Văn U được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M, anh U không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn U, chị Lê Thị Diễm M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Diễm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu số 0002119 ngày 20/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị Lê Thị Diễm M không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã Tân Phú Thạnh.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Trần Minh Mẫn